

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền Thông công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất Bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/7/2010.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục chiếm tỷ lệ 51%.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011: 10.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: [www.adc.net.vn](http://www.adc.net.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) không bao gồm xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Quảng cáo trung bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 75 người. Trong đó nhân viên quản lý 9 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### ***Hội đồng quản trị***

- |                      |          |                          |
|----------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Tới  | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Lê Hoàng Hải   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Trần Tiểu Lâm  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Tô Thanh Bình  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 14/07/2008 |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                            |            |                          |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Võ Văn Chiến         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2010 |

### ***Ban Giám đốc và Kế toán trưởng***

- |                      |                |                            |
|----------------------|----------------|----------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải   | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007   |
| • Ông Trần Tiểu Lâm  | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007   |
|                      |                | Miễn nhiệm ngày 01/01/2011 |
| • Bà Nguyễn Bích La  | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/06/2011   |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007   |

### ***Kiểm toán độc lập***

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Lê Hoàng Hải**

*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012*



## CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

**Trụ sở chính**

217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07/2/2012 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Lê Khắc Minh**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

**Trần Thị Nở**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.523.806.595</b>	<b>22.570.368.073</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.300.479.285</b>	<b>3.415.793.631</b>
1. Tiền	111	5	3.432.779.285	3.415.793.631
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.867.700.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.370.064.286</b>	<b>12.252.372.508</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11.570.573.553	10.662.179.223
2. Trả trước cho người bán	132		359.858.791	1.454.023.929
3. Các khoản phải thu khác	135	7	439.631.942	136.169.356
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.691.747.319</b>	<b>5.173.747.804</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	3.691.747.319	5.173.747.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>411.515.705</b>	<b>978.454.130</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	203.154.269	571.815.846
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	5.118.345	139.099.414
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	203.243.091	267.538.870
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.283.739.309</b>	<b>3.670.283.727</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.934.903.712</b>	<b>3.040.220.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.934.903.712	3.040.220.917
- Nguyên giá	222		4.812.777.129	4.621.477.129
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.877.873.417)	(1.581.256.212)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>348.835.597</b>	<b>630.062.810</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	348.835.597	630.062.810
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.807.545.904</b>	<b>26.240.651.800</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>31/12/2010 VND</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.314.837.435</b>	<b>13.573.732.210</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.752.059.858</b>	<b>13.552.954.633</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	180.000.000	2.800.000.000
2. Phải trả người bán	312		7.957.722.995	8.528.886.230
3. Người mua trả tiền trước	313		439.974.181	637.669.612
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.266.717.651	497.529.841
5. Phải trả người lao động	315		1.531.946.616	817.064.410
6. Chi phí phải trả	316		2.286.333	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	373.412.082	229.102.575
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	42.701.965
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>562.777.577</b>	<b>20.777.577</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		542.000.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		20.777.577	20.777.577
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.492.708.469</b>	<b>12.666.919.590</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>13.492.708.469</b>	<b>12.666.919.590</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	527.209.068	285.400.792
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	299.235.338	190.372.321
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	2.666.264.063	2.191.146.477
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.807.545.904</b>	<b>26.240.651.800</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>61.000.191.032</b>	<b>31.841.050.804</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	61.000.191.032	31.841.050.804
4. Giá vốn hàng bán	11	19	46.902.296.284	23.975.296.471
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>14.097.894.748</b>	<b>7.865.754.333</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	243.307.379	237.978.974
7. Chi phí tài chính	22	21	470.653.028	53.797.888
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		470.653.028	51.797.888
8. Chi phí bán hàng	24		5.484.729.953	1.697.830.246
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.802.697.655	3.398.249.395
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.583.121.491</b>	<b>2.953.855.778</b>
11. Thu nhập khác	31	22	66.485.727	12.210.500
12. Chi phí khác	32		3.746.733	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>62.738.994</b>	<b>12.210.500</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>23</b>	<b>3.645.860.485</b>	<b>2.966.066.278</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	993.482.555	788.805.934
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>23</b>	<b>2.652.377.930</b>	<b>2.177.260.344</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.652	2.177

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	62.627.044.569	25.328.709.807
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(47.506.548.454)	(21.394.911.300)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.482.376.464)	(3.967.458.566)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(468.366.695)	(51.797.888)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(151.671.878)	(344.789.339)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.415.048.051	1.344.106.605
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.977.857.443)	(2.360.178.247)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.455.271.686</b>	<b>(1.446.318.928)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(191.300.000)	(1.357.826.091)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	3.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	214.089.768	237.978.974
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>22.789.768</b>	<b>1.880.152.883</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.633.015.377	2.800.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.711.015.377)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.515.375.800)	(1.393.599.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.593.375.800)</b>	<b>1.406.401.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.884.685.654</b>	<b>1.840.234.955</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.415.793.631</b>	<b>1.575.558.676</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.300.479.285</b>	<b>3.415.793.631</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2012



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất Bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/7/2010.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục chiếm tỷ lệ 51%.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) không bao gồm xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### ***Các tài sản cố định vô hình khác***

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.11 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.12 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Đối với Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: không thuộc đối tượng chịu thuế.
  - ✓ Đối với sách tham khảo, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5% .
  - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động

## **5. Tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	511.117.570	464.902.813
Tiền gửi ngân hàng	2.921.661.715	2.950.890.818
<b>Cộng</b>	<b><u>3.432.779.285</u></b>	<b><u>3.415.793.631</u></b>

## **6. Đầu tư ngắn hạn**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ phiếu Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Hà Nội (75.000 CP)	750.000.000	750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạ Thanh Tùng	90.111.713	90.000.000
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	29.217.611	-
Bảo hiểm xã hội	-	30.278.491
Bảo hiểm y tế	55.786.967	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	230.904.730	-
Phải thu khác	33.610.921	15.890.865
<b>Cộng</b>	<b>439.631.942</b>	<b>136.169.356</b>

### 8. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	752.966.992	1.141.003.200
Chi phí SX, KD dở dang	641.619.855	745.214.269
Thành phẩm	1.971.830.836	2.711.225.216
Hàng hóa	325.329.636	576.305.119
<b>Cộng</b>	<b>3.691.747.319</b>	<b>5.173.747.804</b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	203.154.269	571.815.846
<b>Cộng</b>	<b>203.154.269</b>	<b>571.815.846</b>

### 10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT nộp thừa	5.118.345	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	139.099.414
<b>Cộng</b>	<b>5.118.345</b>	<b>139.099.414</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	203.243.091	267.538.870
<b>Cộng</b>	<b>203.243.091</b>	<b>267.538.870</b>

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	3.394.039.871	660.300.745	567.136.513	4.621.477.129
Mua sắm trong năm		10.481.818	180.818.182	191.300.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.394.039.871</b>	<b>670.782.563</b>	<b>747.954.695</b>	<b>4.812.777.129</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	785.580.607	348.492.056	447.183.549	1.581.256.212
Khấu hao trong năm	928.470.291	222.138.380	146.008.534	1.296.617.205
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.714.050.898</b>	<b>570.630.436</b>	<b>593.192.083</b>	<b>2.877.873.417</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2.608.459.264	311.808.689	119.952.964	3.040.220.917
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.679.988.973</b>	<b>100.152.127</b>	<b>154.762.612</b>	<b>1.934.903.712</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 718.068.853 đồng.

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	202.825.184	338.041.977
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	146.010.413	292.020.833
<b>Cộng</b>	<b>348.835.597</b>	<b>630.062.810</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	-	2.800.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Hà Nội	-	1.600.000.000
- Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	1.200.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	180.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>180.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	73.492.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.265.847.680	424.037.003
Thuế thu nhập cá nhân vãng lai	869.971	-
<b>Cộng</b>	<b>1.266.717.651</b>	<b>497.529.841</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	199.110.019	80.311.852
Bảo hiểm xã hội	19.364.054	-
Bảo hiểm y tế	-	15.481.465
Cổ tức phải trả	-	15.375.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.938.009	117.933.458
- Quỹ từ thiện NXB	6.195.714	6.195.714
- Phải trả khác	148.742.295	111.737.744
<b>Cộng</b>	<b>373.412.082</b>	<b>229.102.575</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>79.443.651</b>	<b>90.000.000</b>	<b>2.032.632.559</b>	<b>10.940.773.164</b>
Tăng trong năm	-	205.957.141	100.372.321	2.177.260.344	3.003.049.223
Giảm trong năm	-	-	-	2.018.746.426	2.177.260.344
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>285.400.792</b>	<b>190.372.321</b>	<b>2.191.146.477</b>	<b>12.666.919.590</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>285.400.792</b>	<b>190.372.321</b>	<b>2.191.146.477</b>	<b>12.666.919.590</b>
Tăng trong năm	-	241.808.276	108.863.017	2.652.377.930	3.003.049.223
Giảm trong năm	-	-	-	2.177.260.344	2.177.260.344
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>527.209.068</b>	<b>299.235.338</b>	<b>2.666.264.063</b>	<b>13.492.708.469</b>

### b. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.191.146.477	2.032.632.559
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.652.377.930	2.177.260.344
Phân phối lợi nhuận	2.177.260.344	2.007.446.426
- Trích quỹ đầu tư phát triển	241.808.276	205.957.141
- Trích quỹ dự phòng tài chính	108.863.017	100.372.321
- Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	326.589.051	301.116.964
- Trả cổ tức	1.500.000.000	1.400.000.000
Chi phí đại hội cổ đông năm 2010		11.300.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>2.666.264.063</b>	<b>2.191.146.477</b>

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26/03/2011.

### 18. Doanh thu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	61.000.191.032	31.841.050.804
+ Doanh thu bán sách tham khảo	47.742.397.127	21.301.600.677
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	13.257.793.905	9.189.475.508
+ Doanh thu thiết bị	-	1.092.312.363
+ Doanh thu khác	-	257.662.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>61.000.191.032</b>	<b>31.841.050.804</b>

### 19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách tham khảo	36.501.314.537	15.753.749.648
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	10.400.981.747	7.239.983.225
Giá vốn thiết bị	-	934.432.416
Giá vốn hàng hóa khác	-	47.131.182
<b>Cộng</b>	<b>46.902.296.284</b>	<b>23.975.296.471</b>

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	108.307.379	142.183.974
Cổ tức, lợi nhuận được chia	135.000.000	95.795.000
<b>Cộng</b>	<b>243.307.379</b>	<b>237.978.974</b>

### 21. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	470.653.028	51.797.888
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>470.653.028</b>	<b>53.797.888</b>

### 22. Thu nhập khác

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu từ bán phế liệu	21.900.000	-
Nhận tiền thưởng từ Nhà Xuất bản	2.047.840	7.322.000
Thu nhập khác	42.537.887	4.888.500
<b>Cộng</b>	<b>66.485.727</b>	<b>12.210.500</b>

### 23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.645.860.485	2.966.066.278
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	328.069.735	189.157.457
Điều chỉnh tăng	463.069.735	189.157.457
- Chi phí không hợp lệ	463.069.735	189.157.457
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Điều chỉnh giảm	135.000.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	135.000.000	95.795.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.973.930.220	3.155.223.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	993.482.555	788.805.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	993.482.555	788.805.934
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.652.377.930</b>	<b>2.177.260.344</b>

### 24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.652.377.930	2.177.260.344
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.652.377.930	2.177.260.344
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.652</b>	<b>2.177</b>

### 25. Chi Phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.967.506.168	15.098.182.486
Chi phí nhân công	9.098.900.359	6.744.663.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	994.123.778	716.688.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.745.622.179	1.347.625.395
Chi phí khác bằng tiền	96.143.800	68.135.974
<b>Cộng</b>	<b>46.902.296.284</b>	<b>23.975.296.471</b>

### 26. Cổ tức

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26/03/2011 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ (tương ứng 1.500.000.000 đồng).

### 27. Các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa Hòa Phát	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Tự điển Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Thiết kế và Phát hành Sách Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty cùng chung nhà đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên có liên quan gồm:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Bán hàng</b>		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.235.715.185	6.157.239.255
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	475.691.384	48.701.870
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	861.297.253
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	668.826.825	929.720.322
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	-	134.363.373
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	845.482.826	272.965.780

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP Sách Dân tộc	1.386.169.115	1.569.420.521
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.748.079.027	3.222.625.943
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	154.684.246	436.845.239
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	171.623.165	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	588.723.234	-
Công ty CP In sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	41.567.810	-
Công ty CP Học liệu	194.983.954	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	182.151.179	-
Công ty CP Thiết kế và Phát hành sách Giáo dục	85.632.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	378.404.812	-

**Mua hàng**

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	1.596.178.120
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	296 297 944	305.747.492
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	447 083 526	804.526.549
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	280 292 710	125.706.416
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	285.167.933
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1 107 471 228	374.425.699
Công ty CP Sách Dân tộc	1 668 157 479	1.134.974.432
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	338.800.308
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1 402 376 515	253.400.560
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	46 200 477	-
Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	43 791 056	-
Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	76 650 000	-
Công ty CP Học liệu	38 080 000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	72 000 000	-
Công ty CP Thiết kế và Phát hành sách Giáo dục	145 487 512	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	349.145.123	-

**c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày 31/12/2011**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2 812 618 587	1.290.779.117
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội		142.444.103
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	403 176 124	410.083.394
Công ty CP Sách Dân tộc	136 287 781	1.070.922.550
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1 203 913 394	481.646.553
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	17 936 020	-
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	845 892	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	50 590 000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	330 000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	23 424 368	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	296.297.944	290.501.072
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	447.083.526	500.557.749

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	32.115.712	152.351.129
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.100.000	125.515.089
Công ty CP Sách Dân tộc	-	654.436.128
Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	57.974.909	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	11.792.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	172.639.997	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	1.405.000	-
Công ty CP Học liệu	23.115.798	-
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo Dục	16.385.943	-
Tạp chí Thế giới mới	240.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	250.791.498	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	724.752	-

### **28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **29. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Lê Hoàng Hải**

**Phạm Văn Thắng**

*Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2012*